

Bản án số: **32/2019/HSPT**
Ngày 22/02/2019

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Hà.

Ông Lê Quốc Thành.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang -

Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gian phiên tòa:

Ông Lê Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22/02/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 222/2018/HSPT ngày 06 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Hữu A và đồng bọn, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HSST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thị T**, sinh ngày 15/7/1981 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKTT: Thôn M.C, xã M.S, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn M.L, xã M.S, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức M và bà Nguyễn Thị H; chồng Lê Văn H (Đã ly hôn) và 1 con, sinh năm 2004; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 20/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” (*Chấp hành xong hình phạt ngày 23/11/2015*); Bị bắt, tạm giam từ ngày 16/11/2017 đến ngày 14/5/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đức B**, sinh ngày 25/9/1975 tại tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: Thôn M.T 1, xã X.B, huyện Th1 Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức V và bà Phạm Thị Ph; vợ Nguyễn Thị H và 2 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 18/10/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Th1 Xuân xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 47 tháng 18 ngày; Bị tạm giữ từ ngày 04/12/2017 đến ngày 07/12/2017

được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

3. Họ và tên: **Lê Văn Q**, sinh ngày 27/11/1985 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn Ng.S, xã L.S, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N và bà Lê Thị V; vợ Lò Thị Ph và 2 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 16/01/2018 đến ngày 19/01/2018 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

4. Họ và tên: **Nguyễn Xuân Q.1**, sinh ngày 04/8/1989 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn H.C, xã V.X, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị H; vợ Hoàng Thị Ng và 2 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 31/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 9.000.000 đồng về tội Đánh bạc, bị cáo nộp tiền phạt ngày 21/10/2016. Bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2017 đến ngày 09/01/2018 được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt.*

5. Họ và tên: **Nguyễn Duy A**, sinh ngày 22/7/1987 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn H.C, xã V.X, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Duy L và bà Hoàng Thị M; vợ Hoàng Thị H, bị cáo chưa có con; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05/11/2017, tạm giam từ ngày 14/11/2017 đến ngày 03/01/2018 được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

- *Bị cáo kháng cáo nhưng rút đơn kháng cáo:* Phạm Hữu A.

- *Các bị cáo không kháng cáo:* Nguyễn Văn Th1, Cao Xuân L, Bùi Đức Th1, Phạm Thị Nh, Phùng Thị Ch, Triệu Thị Th2, Lê Văn H1, Trần Văn Th4, Lê Ngọc S, Phạm Ngọc Th4 và Hoàng Văn D. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/11/2017, Phạm Hữu A gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Th1 tìm địa điểm mở sới đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa để kiếm tiền. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Phạm Hữu A cùng với Cao Xuân L đến quán D.U thuộc thôn 2, xã M.T, huyện Ngọc Lặc gặp Th1, A và Th1 thống nhất mở sới đánh xóc đĩa tại khu vực đồi cao su thuộc thôn 2, xã M.T, huyện Ngọc Lặc. Khi đi, Phạm Hữu A chuẩn bị thảm trải, ghế nhựa, bát, đĩa, quân vị, đến nơi, A đưa cho Th1 1 triệu

đồng để mua bạc, Th1 lấy tiền đưa cho Bùi Đức Th1 đi mua bạc mAg đến địa điểm mở sới bạc, rồi cùng A căng bạc, trải thảm, rải ghế ngồi. Th1 gọi điện thoại cho Trần Thị T, Nguyễn Văn Th4 đến đánh bạc. Khi biết có sới bạc mở tại khu vực xã M.T, huyện Ngọc Lặc, Trần Thị T, Phạm Thị Nh, Triệu Thị Th2, Phùng Thị Ch, Lê Văn H1, Trần Văn Th4, Nguyễn Đức B, Lê Văn Q, Hoàng Văn D, Nguyễn Xuân Q.1, Nguyễn Quốc Kỳ, Nguyễn Duy A, Lê Ngọc S, Phạm Ngọc Th4 đến tham gian đánh bạc. Nguyễn Hữu A trực tiếp thu tiền hồ của những người tham gian đánh bạc được 5.900.000 đồng. Khi đánh bạc, Cao Xuân L là dùng 01 chiếc bát và 01 chiếc đĩa bằng sứ, bỏ 04 quân vị hình tròn, bằng giấy, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng vào đĩa úp bát lên xóc, những người tham gian đánh bạc sẽ đặt tiền vào bên chẵn hoặc bên lẻ; bên cạnh đó, Lê Văn Q và Trần Thị T trải một tờ giấy đã kẻ sẵn các ô làm bảng vị cho những người tham gian đánh bạc đặt tiền vào ô chẵn hoặc ô lẻ. Sau khi người sóc đĩa mở bát ra, nếu chẵn (*có 2 quân vị màu trắng, 2 quân vị màu vàng hoặc cả 4 quân vị màu vàng hoặc màu trắng*) thì người đặt tiền ở bên chẵn thắng, người đặt tiền ở bên lẻ thua; ngược lại nếu lẻ (*có 01 quân vị màu vàng, 3 quân vị màu trắng hoặc 01 quân vị màu trắng, 03 quân vị màu vàng*) thì người đặt tiền bên lẻ thắng, người đặt tiền bên chẵn thua.

Các bị cáo đánh bạc từ khoảng 15 giờ ngày 05/11/2017 đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị cơ quA Cảnh sát điều tra, Công A tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang, thu giữ tại xới bạc số tiền 157.000.000 đồng, 01 đĩa và 01 bát bằng sứ, 04 quân vị hình tròn bằng giấy, 01 tấm thảm màu đỏ, 02 tấm bạt; tạm giữ số phương tiện liên quA gồm: 01 ô tô loại 9 chỗ ngồi biển kiểm soát 30P-7900 và 02 xe ô tô con biển kiểm soát 36A-271.28 và 36A-226.63. Quá trình điều tra, xác định số phương tiện bị tạm giữ không liên quA đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Hữu A, Nguyễn Văn Th1, Cao Xuân L và Bùi Đức Th1 phạm “Tội tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Trần Thị T, Phạm Thị Nh, Phùng Thị Ch, Triệu Thị Th2, Lê Văn H1, Trần Văn Th4, Nguyễn Đức B, Lê Văn Q, Nguyễn Quốc Kỳ, Nguyễn Xuân Q.1, Nguyễn Duy A, Lê Ngọc S, Phạm Ngọc Th4 và Hoàng Văn D phạm “Tội đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Hữu A 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 249, điểm p, r khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th1 36 (*Ban mươi sáu*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 07/9/2018 và được trừ 06 (*Sáu*) ngày đã bị tạm giữ (*Từ ngày 09/01 đến ngày 15/01/2018*).

- Căn cứ khoản khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Cao Xuân L 15 (*Mười lăm*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ 05 (*Năm*) tháng đã bị tạm giam (*Từ ngày 15/11/2017 đến ngày 13/4/2018*).

- Căn cứ khoản khoản 1 Điều 249, khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 51; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Bùi Đức Th1 15 (*Mười lăm*) tháng tù, tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án hình sự sơ thẩm số 36/2017/HSST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa là 10 (*Mười*) tháng 14 (*Mười bốn*) ngày tù, buộc bị cáo Bùi Đức Th1 phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 25 (*Hai mươi lăm*) tháng 14 (*Mười bốn*) ngày tù. Hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ 05 (*Năm*) tháng 29 (*Hai mươi chín ngày*) ngày đã bị tạm giam (*Từ ngày 17/11/2017 đến ngày 14/5/2018*).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p, r khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Thị T 33 (*Ban mười ban*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 05 (*Năm*) tháng (*Từ ngày 16/11/2017 đến ngày 14/4/2018*).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Thị Nh 27 (*Hai mươi bảy*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ là 09 (*Chín*) ngày (*Từ ngày 05/11/2017 đến ngày 14/11/2017*).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Phùng Thị Ch 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p, r khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Q.1 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 01 (*Một*) tháng 24 (*Hai mươi tư*) ngày (*Từ ngày 17/11/2017 đến ngày 09/01/2018*).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy A 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 01 (*Một*) tháng 21 (*Hai mươi một*) ngày (*Từ ngày 14/11/2017 đến ngày 03/01/2018*).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ là 03 (*Ban*) ngày (*Từ ngày 04/12/2017 đến ngày 07/12/2017*).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Văn Q 24 (*Hai mươi*

tư) tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ là 03 (Ba) ngày (Từ ngày 16/01/2018 đến ngày 19/01/2018).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p, r khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Ngọc S 27 (Hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 (Năm mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/10/2018

Giano bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p, r khoản 1 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Văn H1 24 (Hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/10/2018

Giano bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Th.S, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p, r khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Triệu Thị Th2 24 (Hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/10/2018

Giano bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ng.K, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p, r khoản 1 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Văn Th4 24 (Hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/10/2018

Giano bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X.B, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p, r khoản 1 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Th4 24 (Hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/10/2018

Giano bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L.S, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Kỳ 24 (Hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/10/2018

Giano bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V.X, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Hình phạt bổ sung:

- Căn cứ khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 1999, phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Hữu A, Nguyễn Văn Th1, Cao Xuân L và Bùi Đức Th mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999, phạt tiền đối với các bị cáo Trần Thị T, Phùng Thị Ch, Triệu Thị Th2, Lê Văn H1, Trần Văn Th4, Nguyễn Đức B, Lê Văn Q, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Xuân Q.1, Nguyễn Duy A, Lê Ngọc S, Phạm Ngọc Th4 mỗi bị cáo 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

- Án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ thi hành án, về tAg vật trong vụ án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo.

*** Sau khi xét xử, các bị cáo làm đơn kháng cáo bản án, cụ thể:**

- Ngày 02/11/2018 bị cáo Lê Văn Q; Ngày 06/11/2018 bị cáo Nguyễn Xuân Q.1; 05/11/2018 bị cáo Nguyễn Duy A; Ngày 07/11/2018 bị cáo Nguyễn Đức B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 06/11/2018 bị cáo Trần Thị T; Ngày 07/11/2018 bị cáo Phạm Hữu A kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt .

* Trước khi mở phiên tòa: Bị cáo Phạm Hữu A làm đơn xin rút đơn kháng cáo nên được đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật TTHS.

* Tại phiên tòa: - Các bị cáo còn lại vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo về đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gian phiên tòa đề nghị: Xét kháng cáo của các bị cáo, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Đức B cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 24 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 248 BLHS, có một tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Các tình tiết mới tại cấp phúc thẩm không đủ điều kiện để giảm nhẹ dưới khung hình phạt theo điều 47 BLHS. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức phạt cấp sơ thẩm đã xét xử.

- Đối với bị cáo Trần Thị T đang có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội với mức độ quyết liệt, xét điều kiện hoàn cảnh gia đình chồng ly hôn đang phải nuôi con nhỏ nên chấp nhận kháng cáo và giảm hình phạt cho bị cáo từ 02 đến 03 tháng tù.

- Đối với bị cáo Nguyễn Xuân Q.1 ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã đánh giá, bị cáo xuất trình giấy xác nhận điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, tự nguyện nộp 8.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ án phí hình sơ thẩm nhưng bị cáo nhân thân năm 2016 bị TAD huyện Thường Xuân xử phạt tiền về tội “Đánh bạc” nên không đủ điều kiện được hưởng án treo cải tạo tại địa phương, chấp nhận một phần kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

- Đối với bị cáo Lê Văn Q xuất trình thêm xác nhận của cơ quA công A huyện Ngọc Lặc vì đã có công giúp cơ quan Điều tra phá vụ án “đánh bạc” xảy ra tại Thôn.. xã Ng.L, huyện Ngọc Lặc ngày 10/7/2018; Tự nguyện nộp 8.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp sơ thẩm theo điểm r khoản 1 và khoản 2

Điều 46 BLHS nhưng bị cáo sau khi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra ra lệnh truy nã nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo cải tạo tại địa phương nên chấp nhận một phần kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

- Đối với bị cáo Nguyễn Duy A, ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã đánh giá, xem xét thì tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình: Giấy xác nhận CA huyện Thường Xuân ngày 01/11/2018 vì có công giúp cơ quan điều tra triệt phá ổ nhóm trộm cắp tài sản tại Bệnh viện huyện; đơn trình bày điều kiện hoàn cảnh gia đình hiện tại là lao động chính nuôi vợ ốm đau được địa phương xác nhận. Đã tự nguyện nộp 8.000.000đ tiền phạt và 200.000đ án phí HSST. Xét thấy đây là tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo chưa tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra soát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên các nội dung kháng cáo nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm

[2]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 16 giờ ngày 05/11/2017, tại đồi cao su thuộc thôn 2, xã M.T, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo Phạm Hữu A, Nguyễn Văn Th1, Cao Xuân L và Bùi Đức Th đã chuẩn bị địa điểm, căng bạt che mưa, nắng, trải bạt, thảm, ghế ngồi, bát, đĩa sứ, quân vị, người xóc đĩa, báo thời gian, địa điểm tổ chức đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa để các bị cáo Trần Thị T, Phạm Thị Nh, Phùng Thị Ch, Triệu Thị Th2, Lê Văn H1, Trần Văn Th4, Nguyễn Đức B, Lê Văn Q, Nguyễn Quốc Kỳ, Nguyễn Xuân Q.1, Nguyễn Duy A, Lê Ngọc S, Phạm Ngọc Th4 và Hoàng Văn D đến đánh bạc ăn tiền; bị cáo Phạm Hữu A thu của mỗi người tham gia đánh bạc 500 ngàn đồng, số tiền bị cáo thu được 5.900.000 đồng, thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang; thu giữ tại xới bạc số tiền 157.000.000 đồng, 01 đĩa và 01 bát bằng sứ, 04 quân vị hình tròn bằng giấy, 01 tấm thảm màu đỏ, 02 tấm bạt.

Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Đức B, Lê Văn Q, Nguyễn Xuân Q.1 và Nguyễn Duy A và các bị cáo khác về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 248 BLHS năm 1999 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây bức xúc, bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét thấy:

- Bị cáo Nguyễn Đức B quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, có bố, mẹ để tham gian kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huy chương, Huân chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1,2 Điều 46 BLHS năm 1999. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình giấy xác nhận đang điều trị bệnh viêm apidA và nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm (200.000đ). Do bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 nên không đủ điều kiện để giảm nhẹ dưới khung hình phạt theo điều 47 BLHS vì cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 24 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 248 BLHS. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức phạt cấp sơ thẩm đã xét xử.

- Bị cáo Trần Thị T đã bị kết án về tội “đánh bạc” chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm, nên bị áp tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình giấy xác nhận điều kiện hoàn cảnh gian đình chồng đã ly hôn, một mình đang phải nuôi con nhỏ, giấy nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm (200.000đ). Nên chấp nhận giảm nhẹ một phần hình phạt tù đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Xuân Q.1 ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã đánh giá: Sau khi phạm tội đã cộng tác với cơ quan điều tra Công an huyện Thường Xuân lập công chuộc tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, r khoản 1 Điều 46 BLHS; Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình giấy xác nhận điều kiện hoàn cảnh gian đình khó khăn, tự nguyện nộp 8.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Nhưng bị cáo có nhân thân xấu là năm 2016 bị TAD huyện Thường Xuân xử phạt 9.000.000 về tội “Đánh bạc” nên không đủ điều kiện được hưởng án treo cải tạo tại địa phương, chấp nhận một phần kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đối với bị cáo Lê Văn Q ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã đánh giá: Thành khẩn khai báo, gian đình có bố, mẹ để tham gian kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huy chương, Huân chương kháng chiến. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm xác nhận của Cơ quan công an huyện Ngọc Lặc vì đã có công giúp cơ quan Điều tra phá vụ án “đánh bạc” xảy ra tại thôn... xã Ng.L, huyện Ngọc Lặc ngày 10/7/2018; Tự nguyện nộp 8.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp phúc thẩm theo điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS, nhưng bị cáo sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương Cơ quan điều tra phải ra lệnh

truy nã nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo cải tạo tại địa phương. Vì vậy chấp nhận một phần kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Duy A, ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã đánh giá, xem xét thì tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình: Giấy xác nhận của Công huyện Thường Xuân ngày 01/11/2018 vì có công giúp cơ quan điều tra triệt phá ổ nhóm trộm cắp tài sản tại Bệnh viện huyện; đơn trình bày điều kiện hoàn cảnh gia đình hiện tại là lao động chính nuôi vợ ốm đau được địa phương xác nhận; tự nguyện nộp 8.000.000đ tiền phạt và 200.000đ án phí HSST nên có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm p, r khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS. Xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ mới tại giani đoạn phúc thẩm, bị cáo chưa tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là phù hợp.

Do có những tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp phúc thẩm, xét nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định, Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Xuân Q.1, Lê Văn Q và Nguyễn Duy A, sửa quyết định của Bản án 20/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc về phần hình phạt; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức B, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm.

[3]. Về tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm:

Mặc dù các bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nhưng tại giani đoạn phúc thẩm tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung và tiền án phí theo quyết định của Bản án 20/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc nên được chấp nhận, cụ thể:

- Nguyễn Duy A đã nộp đủ 8.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00632 ngày 06/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

- Lê Văn Q đã nộp đủ 8.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00631 ngày 02/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

- Nguyễn Văn Q.1 đã nộp đủ 8.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00633 ngày 06/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

- Phạm Hữu A nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00635 ngày 07/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

- Trần Thị T nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00634 ngày 07/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

- Nguyễn Đức B nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00636 ngày 07/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị

[5]. – Bị cáo Nguyễn Đức B phải nộp 200.000đ án phí HSPT vì kháng cáo không được chấp nhận và cải sửa

- Bị cáo Trần Thị T, Lê Văn Q, Nguyễn Xuân Q.1 và Nguyễn Duy A không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận một phần đề cải sửa án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c,e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức B. Giữ nguyên quyết định của Bản án Hình sự sơ thẩm số 20/2018/HSST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Xuân Q.1, Lê Văn Q và Nguyễn Duy A. Sửa Bản án án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc về hình phạt.

[2]. Áp dụng:

- điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p, r khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với Trần Thị T.

- điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với Nguyễn Đức B.

- điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p, r khoản 1,2 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với Nguyễn Xuân Q.1 và Lê Văn Q.

- điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p, r khoản 1,2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1, 2 Điều 65 của BLHS năm 2015 đối với Nguyễn Duy A.

- điểm a,h khoản 2 Điều 23 nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[3]. Xử phạt:

1. Bị cáo Trần Thị T: 30 (*Ban mười*) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 05 (*Năm*) tháng (*Từ ngày 16/11/2017 đến ngày 14/4/2018*).

2. Bị cáo Nguyễn Đức B: 24 (*Hai mươi tư*) tháng tù về tội “Đánh bạc”, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ là 03 (*Ba*) ngày (*Từ ngày 04/12/2017 đến ngày 07/12/2017*).

3. Bị cáo Nguyễn Xuân Q.1: 15 (*mười lăm*) tháng tù về tội “Đánh bạc”, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ,

tạm giam là 01 (Một) tháng 24 (Hai mươi tư) ngày (Từ ngày 17/11/2017 đến ngày 09/01/2018).

4. Bị cáo Lê Văn Q: 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ là 03 (Ba) ngày (Từ ngày 16/01/2018 đến ngày 19/01/2018)

5. Bị cáo Nguyễn Duy A 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (22/02/2019). Giano bị cáo cho UBND xã V.X, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tiền phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm:

Công nhận các bị cáo đã tự nguyện nộp các khoản tiền phạt bổ sung và tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

- Bị cáo Nguyễn Duy A đã nộp đủ 8.000.000đ tiền truy thu và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00632 ngày 06/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

- Bị cáo Lê Văn Q đã nộp đủ 8.000.000đ tiền truy thu và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00631 ngày 02/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

- Bị cáo Nguyễn Xuân Q.1 đã nộp đủ 8.000.000đ tiền truy thu và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00633 ngày 06/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

- Bị cáo Phạm Hữu A đã nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00635 ngày 07/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

- Bị cáo Trần Thị T nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00634 ngày 07/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

- Bị cáo Nguyễn Đức B đã nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 00636 ngày 07/11/2018 của Chi cục THA Dân sự huyện Ngọc Lặc.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[6]. Án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Đức B phải nộp 200.000đ án phí Hình sự phúc thẩm.
- Các bị cáo Trần Thị T, Lê Văn Q, Nguyễn Xuân Q.1 và Nguyễn Duy A không phải nộp án phí Hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi gửi

- TAD, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Tỉnh Thanh Hóa;
- CA tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- VKS,TA,TH1S huyện Ngọc Lặc;
- T.H.ADS huyện Ngọc Lặc;
- Các bị cáo;
- Lưu H.sơ vụ án.

Hà Huy Hùng